

Công ty Cổ phần LIZEN

[trước đây là Công ty Cổ phần LICOGI 16]

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 51

Công ty Cổ phần LIZEN

[trước đây là Công ty Cổ phần LICOGI 16]

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần LIZEN, trước đây là Công ty Cổ phần LICOGI 16, (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302310209 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 6 năm 2006. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 23 được cấp ngày 22 tháng 4 năm 2022. Cũng theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 23, Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần LIZEN.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) với mã giao dịch là LCG theo Quyết định số 112/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 17 tháng 10 năm 2008.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con là cung cấp dịch vụ xây dựng; mua bán vật liệu xây dựng; phát triển và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính tại Số 24A, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Dương Hùng	Chủ tịch	
Ông Tăng Quốc Thuộc	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2022
	Thành viên	miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2022
Ông Budiman Satrio	Thành viên HĐQT	
Sudono Liem	không điều hành, độc lập	
Ông Phan Ngọc Hiếu	Thành viên HĐQT	
	không điều hành, độc lập	
Ông Nguyễn Minh Khang	Thành viên HĐQT	
	không điều hành, độc lập	
Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Thành viên HĐQT không điều hành	

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán (“UBKT”) trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Minh Khang	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Cao Ngọc Phương	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2022
Ông Tăng Quốc Thuộc	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2022
Ông Phí Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Hữu Phong	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Lê Thị Phương Nam	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Cao Ngọc Phương.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần LIZEN
[trước đây là Công ty Cổ phần LICOGI 16]

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần LIZEN ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi đã phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 



Cao Ngọc Phương
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

Số tham chiếu: 60992762/22989068/LR-HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần LIZEN
[trước đây là Công ty Cổ phần LICOGI 16]**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần LIZEN ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 29 tháng 8 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 51, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1588-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.742.607.131.885	3.667.580.449.339
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	277.151.757.792	256.136.123.821
111	1. Tiền		235.031.757.792	244.536.123.821
112	2. Các khoản tương đương tiền		42.120.000.000	11.600.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		7.412.451.700	259.432.451.700
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	7.412.451.700	259.432.451.700
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.249.566.869.199	2.198.511.663.874
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	1.614.886.302.559	1.617.764.294.821
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	294.073.838.677	325.516.718.867
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	62.957.268.341	59.971.418.391
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	390.013.013.486	305.089.767.589
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(112.363.553.864)	(109.830.535.794)
140	IV. Hàng tồn kho	10	1.083.487.290.828	836.549.605.500
141	1. Hàng tồn kho		1.083.487.290.828	836.549.605.500
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		124.988.762.366	116.950.604.444
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.276.382.018	508.107.407
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		120.159.255.359	113.586.675.310
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		3.553.124.989	2.855.821.727

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.547.257.884.764	2.136.953.036.777
210	I. Khoản phải thu dài hạn		25.651.836.000	36.097.880.554
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	25.651.836.000	36.097.880.554
220	II. Tài sản cố định		576.933.977.353	1.247.878.982.995
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	463.295.813.747	1.146.859.917.914
222	Nguyên giá		806.115.761.573	1.513.806.076.169
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(342.819.947.826)	(366.946.158.255)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	113.513.879.168	100.821.738.465
225	Nguyên giá		171.218.274.152	141.925.065.640
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(57.704.394.984)	(41.103.327.175)
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	124.284.438	197.326.616
228	Nguyên giá		10.254.240.000	10.254.240.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.129.955.562)	(10.056.913.384)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		77.279.557.925	74.416.366.894
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	77.279.557.925	74.416.366.894
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	15	797.699.017.397	702.555.946.682
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		310.240.227.397	215.097.156.682
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		485.558.790.000	485.558.790.000
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.900.000.000	1.900.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		69.693.496.089	76.003.859.652
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		324.340.343	382.070.250
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.3	25.734.584.959	28.941.422.452
269	3. Lợi thế thương mại	16	43.634.570.787	46.680.366.950
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		5.289.865.016.649	5.804.533.486.116

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.768.141.886.415	3.415.916.609.987
310	i. Nợ ngắn hạn		2.446.604.113.619	2.564.472.237.878
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	573.349.696.285	763.588.003.510
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	352.541.482.909	547.799.057.563
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	76.748.700.313	169.897.022.292
314	4. Phải trả người lao động		10.533.376.661	16.671.998.279
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	750.170.946.152	656.705.755.510
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	21	177.495.128.642	127.712.618.001
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		452.880.020.852	228.713.076.932
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.17	52.884.761.805	53.384.705.791
330	ii. Nợ dài hạn		321.537.772.796	851.444.372.109
331	1. Phải trả người bán dài hạn	30	63.587.175.345	89.414.653.881
337	2. Phải trả dài hạn khác	21	18.971.610.777	18.482.171.051
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		238.736.366.674	743.250.603.677
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn		242.620.000	296.943.500
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.521.723.130.234	2.388.616.876.129
410	i. Vốn chủ sở hữu		2.521.723.130.234	2.388.616.876.129
411	1. Vốn cổ phần	23.1	1.744.048.240.000	1.744.048.240.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.744.048.240.000	1.744.048.240.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	23.1	93.686.603.494	93.686.603.494
415	3. Cổ phiếu quỹ	23.1	(18.771.380.000)	(18.771.380.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	23.1	119.204.302.363	119.204.302.363
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	23.1	522.783.697.902	390.668.835.632
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		390.503.557.625	208.909.659.478
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong kỳ		132.280.140.277	181.759.176.154
429	6. Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát		60.771.666.475	59.780.274.640
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		5.289.865.016.649	5.804.533.486.116

Đỗ Văn Hương
Người lập

Nguyễn Văn Việt
Kế toán trưởng


Cao Ngọc Phương
Tổng Giám đốc


Ngày 29 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	583.313.446.040	1.303.006.172.703
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(507.824.887.843)	(1.031.534.864.482)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		75.488.558.197	271.471.308.221
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	177.026.500.228	5.494.603.122
22	5. Chi phí tài chính	26	(42.064.771.125)	(57.135.667.696)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(42.041.781.708)	55.890.223.575
24	6. Phần lãi từ công ty liên kết		-	87.661.010
25	7. Chi phí bán hàng	27	-	(16.897.258.501)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(39.056.256.616)	(42.141.501.815)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		171.394.030.684	160.879.144.341
31	10. Thu nhập khác	28	1.983.213.903	5.482.471.210
32	11. Chi phí khác	28	(5.995.914.266)	(2.875.936.923)
40	12. (Lỗ) lợi nhuận khác	28	(4.012.700.363)	2.606.534.287
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		167.381.330.321	163.485.678.628
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(32.559.980.716)	(33.901.040.451)
52	15. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	29.3	(3.206.837.493)	2.255.201.082
60	16. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		131.614.512.112	131.839.839.259
61	17. Lợi nhuận thuần sau thuế của công ty mẹ		132.280.140.277	131.050.960.499
62	18. (Lỗ) lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(665.628.165)	788.878.760
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23.4	628	622
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	23.4	628	622


Đỗ Văn Hương
Người lập


Nguyễn Văn Việt
Kế toán trưởng


Cao Ngọc Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		167.381.330.321	163.485.678.628
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	11, 12, 13, 16	54.983.961.141	66.122.479.608
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		2.478.694.570	(6.946.857.906)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	(1.408.730.766)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(178.647.801.604)	(3.939.786.438)
06	Chi phí lãi vay	26	42.041.781.708	55.890.223.575
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		88.237.966.136	273.203.006.701
09	Tăng các khoản phải thu		(153.678.860.811)	(316.438.980.429)
10	Tăng hàng tồn kho		(246.937.685.328)	(17.455.734.187)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(309.039.406.390)	451.597.401.780
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(710.544.704)	263.657.258
14	Tiền lãi vay đã trả		(42.034.876.684)	(56.631.236.567)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(118.059.286.047)	(3.659.019.815)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	19	(665.221.993)	(2.810.960.498)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(782.887.915.821)	328.068.134.243
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(50.105.071)	(1.151.269.636)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		990.000.000	379.180.471
23	Tiền chi cho vay		(140.000.000.000)	(38.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay và tiền gửi ngân hàng		386.000.000.000	58.395.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(200.000.000)	(100.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		370.682.326.000	1.454.550.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, tiền cho vay và cổ tức được chia		1.877.243.984	2.626.409.614
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		619.299.464.913	23.603.870.449

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu		1.371.000.000	-
33	Tiền thu từ đi vay		590.558.322.678	263.498.721.673
34	Tiền trả nợ gốc vay		(390.000.765.024)	(547.347.504.898)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(17.324.472.775)	(8.255.861.046)
36	Tiền chi trả cổ tức	23.2	-	(80.673.720.400)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		184.604.084.879	(372.778.364.671)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		21.015.633.971	(21.106.359.979)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		256.136.123.821	242.176.851.079
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	277.151.757.792	221.070.491.100

Đỗ Văn Hương
Người lập

Nguyễn Văn Việt
Kế toán trưởng



Cao Ngọc Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần LIZEN, trước đây là Công ty Cổ phần LICOGI 16, (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302310209 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 6 năm 2006. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 23 được cấp ngày 22 tháng 4 năm 2022. Cũng theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 23, Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần LIZEN.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) với mã giao dịch là LCG theo Quyết định số 112/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 17 tháng 10 năm 2008.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) là cung cấp dịch vụ xây dựng; mua bán vật liệu xây dựng; phát triển và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính tại Số 24A, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 372 người (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 395 người).

Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Nhóm Công ty như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ biểu quyết	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2022 (%)	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 (%)
(1) Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng LIZEN ¹ (“LCI”)	Cung cấp dịch vụ xây dựng	Đang hoạt động	95	95
(2) Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12 (“CT12”)	Đầu tư và phát triển khu dân cư	Đang hoạt động	80	80
(3) Công ty Cổ phần Đầu tư Tiện ích LICOGI 16 (“LCU”)	Cung cấp dịch vụ tiện ích	Đang hoạt động	75	75
(4) Công ty Cổ phần Licons Việt Nam (“Licons”)	Cung cấp dịch vụ xây dựng	Đang hoạt động	80	80
(5) Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo LICOGI 16 (“LCE”)	Đầu tư và phát triển các dự án năng lượng	Đang hoạt động	97	97
(6) Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo LICOGI 16 Ninh Thuận (“LCE-NT”)	Sản xuất điện mặt trời	Đang hoạt động	-	99
(7) Công ty Cổ phần Bất động sản LIZEN ² (“LCLand”)	Bất động sản	Đang hoạt động	95	95
(8) Công ty cổ phần Năng lượng điện gió LICOGI 16 Quảng Trị 1 (“QT1”)	Sản xuất điện gió	Đang hoạt động	78	78
(9) Công ty cổ phần Năng lượng điện gió LICOGI 16 Quảng Trị 2 (“QT2”)	Sản xuất điện gió	Đang hoạt động	78	78
(10) Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo LICOGI 16 Gia Lai (“LCE-GL”)	Sản xuất điện mặt trời	Đang hoạt động	99	99
(11) Công ty Cổ phần Điện Mặt trời Chư Ngọc (“LCE-CN”)	Sản xuất điện mặt trời	Đang hoạt động	98	-

¹ Trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng LICOGI

² Trước đây là Công ty Cổ phần Bất động sản LICOGI 16

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Bất động sản tồn kho

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Nhóm Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành bao gồm:

- Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và được chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Hàng tồn kho khác

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--------------------------------------|--|
| Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ theo phương pháp bình quân gia quyền |

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	25 – 48 năm
Máy móc và thiết bị	4 – 8 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 7 năm
Phần mềm máy tính	8 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần hoặc ghi nhận phù hợp với doanh thu vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ:

- ▶ Phí bảo lãnh công trình;
- ▶ Công cụ, dụng cụ; và
- ▶ Chi phí hoa hồng môi giới.

3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Các giao dịch hợp nhất kinh doanh được hạch toán kế toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được xác định ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định bằng nguyên giá trừ giá trị phân bổ lũy kế. Việc phân bổ lợi thế thương mại được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong mười (10) năm, là thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho Tập đoàn. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu từ 20% trở lên quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi có sự thay đổi được ghi nhận trực tiếp vào phần vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, thì Nhóm Công ty sẽ ghi nhận phần sở hữu của mình trong phần thay đổi trên (nếu có) và trình bày ở khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.15 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại Hội đồng Cổ đông thường niên:

▶ Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

▶ Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trên hóa đơn.

Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận của Công ty Mua bán điện.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán giữa niên độ khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Nhóm Công ty có ba (3) bộ phận hoạt động kinh doanh chủ yếu là hoạt động bất động sản, cung cấp dịch vụ xây dựng và bán điện. Nhóm Công ty chỉ hoạt động trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Tiền mặt	1.667.186.155	1.308.183.891
Tiền gửi ngân hàng	231.726.571.637	241.589.939.930
Tiền gửi tại tài khoản phong tỏa (*)	1.638.000.000	1.638.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (**)	42.120.000.000	11.600.000.000
TỔNG CỘNG	<u>277.151.757.792</u>	<u>256.136.123.821</u>

(*) Đây là khoản tiền gửi tại tài khoản phong tỏa được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 22.1).

(**) Một phần tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại với tổng giá trị là 6.020.000.000 VND được dùng làm tài sản đảm bảo cho hiệu suất dự án Điện mặt trời Vạn Ninh.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đây là các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc từ ba (3) đến mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất từ 2,3% đến 4,7%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải thu từ các bên khác	1.256.772.813.762	1.259.222.851.024
Công ty Cổ phần Tập đoàn IPC	181.954.432.768	206.291.048.055
Công ty Cổ phần Xây dựng SCG	108.645.735.315	124.218.984.625
Bà Lưu Thị Bình Dân	82.522.000.000	82.522.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng AUS Sai Gon	90.981.419.603	90.981.419.603
Công ty TNHH Điện gió Lạc Hòa 2	79.214.447.879	128.569.875.980
Công ty TNHH Kỹ nghệ Thái An	73.418.969.296	-
Công ty TNHH Thương mại Minh Tâm	71.454.575.690	87.193.873.569
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Việt Nam	51.630.000.000	51.630.000.000
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các Công trình giao thông Tỉnh Quảng Ninh	40.129.203.444	57.489.655.818
Ban Quản lý Dự án các công trình điện Miền Trung	39.699.423.989	74.207.074.894
Khác	437.122.605.778	356.118.918.480
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	358.113.488.797	358.541.443.797
TỔNG CỘNG	1.614.886.302.559	1.617.764.294.821
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(112.363.553.864)	(109.830.535.794)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.502.522.748.695	1.507.933.759.027

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Số đầu kỳ	109.830.535.794	105.826.792.768
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	2.533.018.070	1.697.872.277
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	112.363.553.864	107.524.665.045

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Các bên khác	294.073.838.677	287.548.639.603
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Quốc Tế ICT	66.900.000.000	66.900.000.000
Công ty Cổ phần THĐ15	34.358.466.876	36.106.936.676
Khác	192.815.371.801	184.541.702.927
Bên liên quan (Thuyết minh số 30)	-	37.968.079.264
TỔNG CỘNG	294.073.838.677	325.516.718.867

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	24.485.849.950	21.500.000.000
Các bên khác	<u>38.471.418.391</u>	<u>38.471.418.391</u>
TỔNG CỘNG	<u>62.957.268.341</u>	<u>59.971.418.391</u>

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn như sau:

Bên vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
	VND			
Cho vay các bên liên quan				
Ông Trần Duy Doanh	22.600.000.000	12 tháng	0	Tín chấp
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo LICOGI 16 Ninh Thuận	<u>1.885.849.950</u>	12 tháng	5	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>24.485.849.950</u>			
Cho vay các bên khác				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng VINA2	33.000.000.000	2 tháng	5	Tín chấp
Công ty Cổ phần LICOGI 16.1	3.136.418.391	12 tháng	0	Tín chấp
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn Cần Thơ	<u>2.335.000.000</u>	3 tháng	8	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>38.471.418.391</u>			

9. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngắn hạn	390.013.013.486	305.089.767.589
Tạm ứng (*)	277.806.744.017	181.915.259.013
Phải thu về chuyển nhượng vốn	53.475.550.000	69.975.550.000
Ký quỹ mở thư tín dụng, bảo lãnh thanh toán	32.647.337.927	16.039.309.400
Ký quỹ thực hiện hợp đồng	10.220.493.956	11.596.291.648
Phải thu lãi cho vay	8.483.445.175	7.386.025.355
Chi hộ	2.875.757.413	11.470.493.956
Khác	4.503.684.998	6.706.838.217
Dài hạn	25.651.836.000	36.097.880.554
Ký quỹ thực hiện hợp đồng	<u>25.651.836.000</u>	<u>36.097.880.554</u>
TỔNG CỘNG	<u>415.664.849.486</u>	<u>341.187.648.143</u>
<i>Trong đó:</i>		
Các bên khác	415.504.719.946	341.074.277.347
Các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	160.129.540	113.370.796

(*) Đây là khoản tạm ứng cho nhân viên để tham gia thực hiện các dự án bất động sản và các dự án xây dựng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Các công trình xây dựng dở dang (*)	915.300.364.419	723.831.175.556
Bất động sản dở dang (**)	134.216.402.875	54.872.331.372
Vật tư xây dựng	32.653.619.843	56.529.194.881
Hàng hóa bất động sản	698.491.402	698.491.402
Công cụ, dụng cụ	618.412.289	618.412.289
TỔNG CỘNG	<u>1.083.487.290.828</u>	<u>836.549.605.500</u>

(*) Chi tiết các công trình xây dựng dở dang được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	205.863.762.104	202.532.306.860
Cao tốc Vân Đồn - Tiên Yên	123.999.744.111	61.781.719.693
Cao tốc Quốc lộ 45 - Nghi Sơn	78.304.212.326	47.396.034.186
Điện gió Chợ Long	37.110.801.070	34.658.938.565
Dự án Đồi Hòn Rơm	27.678.049.962	34.968.368.958
Cao tốc Hữu Nghị	34.896.790.812	34.915.535.681
Sông Hậu – Đức Hòa	32.008.492.794	37.976.391.668
Chung cư Hiệp Thành	31.141.689.545	31.089.689.545
Các công trình khác	344.296.821.695	238.512.190.400
TỔNG CỘNG	<u>915.300.364.419</u>	<u>723.831.175.556</u>

(**) Chi tiết bất động sản dở dang được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Khu dân cư Long Tân (i)	94.222.052.661	9.404.030.431
Khu dân cư Bảo Lộc	37.388.309.462	43.352.576.600
Khu dân cư Hiệp Thành	2.606.040.752	2.115.724.341
TỔNG CỘNG	<u>134.216.402.875</u>	<u>54.872.331.372</u>

(i) Giá trị các bất động sản dở dang này đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 22.1).

Công ty Cổ phần LIZEN
[trước đây là Công ty Cổ phần LICOGI 16]

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					VND
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	366.931.186.141	1.008.313.295.019	135.076.388.807	3.485.206.202	1.513.806.076.169
Mua trong kỳ	-	104.598.000	-	248.363.636	352.961.636
Thanh lý	-	(1.447.545.455)	(1.718.502.141)	-	(3.166.047.596)
Giảm do thanh lý công ty con	(205.548.964.479)	(499.328.264.157)	-	-	(704.877.228.636)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	161.382.221.662	507.642.083.407	133.357.886.666	3.733.569.838	806.115.761.573
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	17.813.108.849	11.441.827.722	2.223.091.882	31.478.028.453
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	14.959.382.496	267.719.621.262	81.583.521.150	2.683.633.347	366.946.158.255
Khấu hao trong kỳ	634.272.410	26.888.955.907	7.720.508.619	20.318.055	35.264.054.991
Thanh lý	-	(1.403.523.537)	(1.718.502.141)	-	(3.122.025.678)
Giảm do thanh lý công ty con	(6.335.413.308)	(49.932.826.434)	-	-	(56.268.239.742)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	9.258.241.598	243.272.227.198	87.585.527.628	2.703.951.402	342.819.947.826
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	351.971.803.645	740.593.673.757	53.492.867.657	801.572.855	1.146.859.917.914
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	152.123.980.064	264.369.856.209	45.772.359.038	1.029.618.436	463.295.813.747
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 22.1, 22.2)	138.851.557.429	137.240.679.875	-	-	276.092.237.304

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	<i>VND</i>
	<i>Máy móc và thiết bị</i>
Nguyên giá:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	141.925.065.640
Thuê mới trong kỳ	<u>29.293.208.512</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>171.218.274.152</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	41.103.327.175
Khấu hao trong kỳ	<u>16.601.067.809</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>57.704.394.984</u>
Giá trị còn lại:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>100.821.738.465</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>113.513.879.168</u>

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>VND</i>
	<i>Phần mềm máy tính</i>
Nguyên giá:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>10.254.240.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	10.056.913.384
Hao mòn trong kỳ	<u>73.042.178</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>10.129.955.562</u>
Giá trị còn lại:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>197.326.616</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>124.284.438</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Trường Cao đẳng nghề LICOGI	73.693.179.703	72.901.822.580
Nhà máy điện mặt trời Chư Ngọc	2.741.274.695	-
Khác	845.103.527	1.514.544.314
TỔNG CỘNG	<u>77.279.557.925</u>	<u>74.416.366.894</u>

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 15.1)	310.240.227.397	215.097.156.682
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 15.2)	485.558.790.000	485.558.790.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.900.000.000	1.900.000.000
TỔNG CỘNG	<u>797.699.017.397</u>	<u>702.555.946.682</u>

Công ty Cổ phần LIZEN
[trước đây là Công ty Cổ phần LICOGLI 16]

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết về khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh		Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
		Giá trị ghi sổ VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị ghi sổ VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị ghi sổ VND	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	Đang hoạt động	215.000.000.000	35,83	180.000.000.000	30,00		
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo LICOGLI 16 Ninh Thuận (*)	Đang hoạt động	59.943.070.715	27,00	-	-		
Công ty Cổ phần Điện lực LICOGLI 16	Đang hoạt động	28.037.156.682	30,56	28.037.156.682	34,50		
Công ty Cổ phần Cấp nước Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị	Đang hoạt động	7.260.000.000	45,00	7.060.000.000	45,00		
		310.240.227.397		215.097.156.682			

(*) Từ ngày 28 tháng 3 năm 2022 đến ngày 29 tháng 6 năm 2022, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 72% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo LICOGLI 16 Ninh Thuận cho các đối tác doanh nghiệp. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo LICOGLI 16 Ninh Thuận không còn là công ty con của Nhóm Công ty và trở thành công ty liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết giá trị các khoản đầu tư vào công ty liên kết này như sau:

VND

Giá trị đầu tư:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	331.958.733.758
Góp vốn	100.000.000.000
Ảnh hưởng do thanh lý công ty con thành công ty liên kết	(4.856.929.285)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>427.101.804.473</u>

Phân lũy kế lỗ sau khi mua công ty liên kết:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>(116.861.577.076)</u>
---	--------------------------

Giá trị còn lại:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>215.097.156.682</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u><u>310.240.227.397</u></u>



Công ty Cổ phần LIZEN
[trước đây là Công ty Cổ phần LICOGL 16]

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết về khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác như sau:

Tên công ty	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
			Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Đang hoạt động	Đầu tư và phát triển hạ tầng	378.447.030.000	19,500	378.447.030.000	19,500
Công ty Cổ phần BOT 38	Đang hoạt động	Đầu tư và phát triển hạ tầng	47.500.000.000	19,000	47.500.000.000	19,000
Công ty Cổ phần BOO Nhà máy Nước Phú Ninh	Đang hoạt động	Khai thác và xử lý nước	59.611.760.000	12,004	59.611.760.000	12,004
TỔNG CỘNG			485.558.790.000		485.558.790.000	

Nhóm Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết và thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại các công ty này do các cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

VND

Nguyên giá:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2022 60.915.923.223

Phân bổ lũy kế:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 14.235.556.273
Phân bổ trong kỳ 3.045.796.163

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 17.281.352.436

Giá trị còn lại:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 46.680.366.950

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 43.634.570.787

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Các bên khác	573.349.696.285	650.181.179.909
<i>Công ty Cổ phần Thương mại Hàng hóa Quốc tế IPC</i>	36.334.347.681	36.334.347.681
<i>Công ty TNHH Kỹ Thuật Việt</i>	23.532.196.690	23.532.196.690
<i>Công ty Cổ phần LICOGI 16.2</i>	20.601.155.440	20.601.155.440
<i>Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng Hoàng Long</i>	15.634.722.423	22.535.021.801
<i>Công ty Cổ phần Sản xuất Bơm hải Dương</i>	15.478.242.707	15.754.649.680
<i>Công ty TNHH Enviro</i>	14.840.617.890	14.840.617.890
<i>Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư Minh Phát</i>	9.167.644.628	10.267.644.628
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng 817</i>	-	7.961.823.313
<i>Công ty Cổ phần LICOGI 166</i>	-	25.204.320.529
<i>Khác</i>	437.760.768.826	473.149.402.257
Các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 30</i>)	-	113.406.823.601
TỔNG CỘNG	<u>573.349.696.285</u>	<u>763.588.003.510</u>

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Các bên khác	350.853.737.509	545.683.357.163
<i>Ban Quản lý Dự án 2</i>	85.960.815.542	132.140.159.831
<i>Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây Dựng SCG</i>	46.233.285.994	46.631.520.226
<i>Công ty Cổ phần LICOGI 13</i>	39.502.802.006	39.502.802.006
<i>Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Tỉnh Quảng Ninh</i>	22.821.142.000	133.570.989.000
<i>Khác</i>	156.335.691.967	193.837.886.100
Các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 30</i>)	<u>1.687.745.400</u>	<u>2.115.700.400</u>
TỔNG CỘNG	<u>352.541.482.909</u>	<u>547.799.057.563</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND				
	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Tăng trong kỳ		Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022
Thuế thu nhập doanh nghiệp	157.407.269.894	32.559.980.716	(118.059.286.047)		71.907.964.563
Thuế thu nhập cá nhân	5.290.772.279	1.926.186.659	(4.992.210.923)		2.224.748.015
Thuế nhà thầu	830.818.255	-	-		830.818.255
Thuế giá trị gia tăng	4.800.213.869	67.141.476.074	(71.002.475.637)		939.214.306
Khác	1.567.947.995	350.277.283	(1.072.270.104)		845.955.174
TỔNG CỘNG	<u>169.897.022.292</u>	<u>101.977.920.732</u>	<u>(195.126.242.711)</u>		<u>76.748.700.313</u>

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Chi phí hoàn thành các công trình xây dựng	639.933.464.590	626.043.794.700
Chi phí hoàn thành các dự án bất động sản	98.793.493.597	-
Lương tháng 13	7.424.943.290	8.070.052.250
Lãi vay	206.352.909	199.447.885
Khác	3.812.691.766	22.392.460.675
TỔNG CỘNG	<u>750.170.946.152</u>	<u>656.705.755.510</u>

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngắn hạn	177.495.128.642	127.712.618.001
Cổ tức	38.801.908.047	35.589.302.595
Phạt thuế	44.615.617.189	44.615.617.189
Nhận chuyển nhượng vốn	35.915.663.694	6.600.000.000
Hoa hồng môi giới	21.839.136.604	-
Nhận tạm ứng	9.422.420.112	9.627.932.199
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	813.475.928	227.716.064
Chi phí lãi vay	6.728.254.974	3.107.332.686
Thù lao HĐQT	6.159.680.687	6.056.709.431
Khác	13.198.971.407	21.888.007.837
Dài hạn	18.971.610.777	18.482.171.051
Nhận tạm ứng	15.535.840.000	15.535.840.000
Lãi vay	3.192.770.777	2.883.331.051
Khác	243.000.000	63.000.000
TỔNG CỘNG	<u>196.466.739.419</u>	<u>146.194.789.052</u>
<i>Trong đó:</i>		
Các bên khác	188.057.240.053	81.722.258.945
Các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	8.409.499.366	64.472.530.107

Công ty Cổ phần LIZEN
[trước đây là Công ty Cổ phần LICOGI 16]

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Vay trong kỳ	Trả vay trong kỳ	Giảm do thanh lý công ty con	Phân loại lại	Cán trừ	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2022
Vay ngắn hạn	228.713.076.932	435.912.107.708	(245.974.812.627)	(2.885.849.950)	37.715.498.789	(600.000.000)	452.880.020.852
Vay ngắn hạn ngân hàng (thuyết minh số 22.1)	143.024.534.964	406.317.965.201	(199.509.408.449)	(2.885.849.950)	-	-	346.947.241.766
Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 22.3)	5.520.471.271	11.294.142.507	(3.000.000.000)	-	1.585.855.030	-	15.400.468.808
Vay từ các bên khác (thuyết minh số 22.4)	8.798.927.375	18.300.000.000	(600.000.000)	-	-	(600.000.000)	25.898.927.375
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (thuyết minh số 22.2)	38.449.351.807	-	(25.540.931.403)	-	14.879.173.431	-	27.787.593.835
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (thuyết minh số 22.5)	32.919.791.515	-	(17.324.472.775)	-	21.250.470.328	-	36.845.789.068
Vay dài hạn	743.250.603.677	183.939.423.482	(161.350.425.172)	(503.269.961.253)	(23.833.274.060)	-	238.736.366.674
Vay dài hạn ngân hàng (thuyết minh số 22.2)	671.595.436.747	154.646.214.970	(161.350.425.172)	(503.269.961.253)	(2.582.803.732)	-	159.038.461.560
Vay từ các bên khác (thuyết minh số 22.4)	8.790.000.000	-	-	-	-	-	8.790.000.000
Nợ thuê tài chính (thuyết minh số 22.5)	62.865.166.930	29.293.208.512	-	-	(21.250.470.328)	-	70.907.905.114
TỔNG CỘNG	971.963.680.609	619.851.531.190	(407.325.237.799)	(506.155.811.203)	13.882.224.729	(600.000.000)	691.616.387.526

Công ty Cổ phần LIZEN

[trước đây là Công ty Cổ phần LICOGI 16]

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

22.1 Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 4, 10, 11)
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	128.981.741.622	Từ ngày 20 tháng 7 năm 2022 đến ngày 30 tháng 12 năm 2022	Tài trợ vốn lưu động	7,50	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Xã Long Tân, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai thuộc một phần dự án Khu dân cư Nhơn Trạch 27ha; Tiền gửi tài khoản phong tỏa với giá trị 1.638.000.000 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	217.247.541.952	Từ ngày 5 tháng 7 năm 2022 đến ngày 30 tháng 12 năm 2022	Tài trợ vốn lưu động	7,90 ~ 8,14	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Xã Long Tân, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai thuộc một phần dự án Khu dân cư Nhơn Trạch 50ha và một phần dự án Khu dân cư Nhơn Trạch 27ha
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội	479.508.192	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Tài trợ vốn lưu động	7,50	Tài sản có định hình thành từ vốn vay
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	238.450.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Tài trợ vốn lưu động	7,90 ~ 8,14	Tài sản có định hình thành từ vốn vay
TỔNG CỘNG	346.947.241.766				

Công ty Cổ phần LIZEN
[trước đây là Công ty Cổ phần LICOGI 16]

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

22.2 Các khoản vay dài hạn ngân hàng

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 11)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Đông Anh	166.942.584.669	Từ ngày 8 tháng 9 năm 2021 đến ngày 8 tháng 3 năm 2029	Tài trợ xây dựng dự án Nhà máy Điện Mặt trời Chư Ngọc - Giai đoạn 1	10,35 ~ 11,10	Tài sản hình thành từ dự án Nhà máy Điện mặt trời Chư Ngọc - giai đoạn 1; quyền đòi nợ hình thành trong tương lai từ hợp đồng giữa LCE Gia Lai và Tập đoàn Điện lực Việt Nam
<i>Trong đó:</i> Vay dài hạn đến hạn trả Vay dài hạn	12.296.369.699 154.646.214.970				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	19.883.470.726	Từ ngày 26 tháng 7 năm 2022 đến ngày 26 tháng 5 năm 2024	Mua tài sản cố định	9,20	Tài sản hình thành từ vốn vay
<i>Trong đó:</i> Vay dài hạn đến hạn trả Vay dài hạn	15.491.224.136 4.392.246.590				
TỔNG CỘNG	186.826.055.395				
<i>Trong đó:</i> Vay dài hạn đến hạn trả Vay dài hạn	27.787.593.835 159.038.461.560				

Công ty Cổ phần LIZEN

[trước đây là Công ty Cổ phần LICOGLI 16]

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

22.3 Khoản vay ngắn hạn từ bên liên quan

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần BOT 38	5.520.471.271	Ngày kết thúc giai đoạn đầu tư dự án	Tài trợ công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A	0	Tín chấp
Công ty Cổ phần Điện lực LICOGLI 16	9.879.997.537	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Tài trợ vốn lưu động	9,60	Tín chấp
TỔNG CỘNG	15.400.468.808				

22.4 Các khoản vay từ bên khác

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Vay ngắn hạn					
Các cá nhân	7.598.927.375	Từ ngày 1 tháng 7 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022	Tài trợ vốn lưu động	9,05 ~ 12,75	Tín chấp
Công ty TNHH Đầu tư Thủy Nguyên Xanh	18.300.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Tài trợ vốn lưu động	3,20	Tín chấp
TỔNG CỘNG	25.898.927.375				
Vay dài hạn					
Công ty TNHH Đầu tư Thủy Nguyên Xanh	8.790.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Tài trợ vốn lưu động	5,50 ~ 6,00	Tín chấp

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả
Vay dài hạn

-
8.790.000.000

Công ty Cổ phần LIZEN
[trước đây là Công ty Cổ phần LICOGLI 16]

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)
22.5 Nợ thuế tài chính

Nhóm Công ty hiện đang thuế thiết bị theo hợp đồng thuế tài chính. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuế phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuế tài chính được trình bày như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022			Ngày 31 tháng 12 năm 2021		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu	Lãi thuế tài chính	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu	Lãi thuế tài chính	Nợ gốc
Nợ thuế tài chính ngắn hạn	39.660.184.456	2.814.395.388	36.845.789.068	35.734.186.903	2.814.395.388	32.919.791.515
Từ 1 năm trở xuống	39.660.184.456	2.814.395.388	36.845.789.068	35.734.186.903	2.814.395.388	32.919.791.515
Nợ thuế tài chính dài hạn	96.501.358.298	25.593.453.184	70.907.905.114	69.487.507.715	6.622.340.785	62.865.166.930
Từ 1 đến 5 năm	96.501.358.298	25.593.453.184	70.907.905.114	69.487.507.715	6.622.340.785	62.865.166.930
TỔNG CỘNG	136.161.542.754	28.407.848.572	107.753.694.182	105.221.694.618	9.436.736.173	95.784.958.445

VND

Công ty Cổ phần LIZEN
[trước đây là Công ty Cổ phần LICOGI 16]

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	1.172.485.100.000	93.686.603.494	(18.771.380.000)	119.204.302.363	416.310.938.248	1.782.915.564.105
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(80.673.720.400)	(80.673.720.400)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(31.430.421.291)	(31.430.421.291)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	131.050.960.499	131.050.960.499
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>1.172.485.100.000</u>	<u>93.686.603.494</u>	<u>(18.771.380.000)</u>	<u>119.204.302.363</u>	<u>435.257.757.056</u>	<u>1.801.862.382.913</u>
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	1.744.048.240.000	93.686.603.494	(18.771.380.000)	119.204.302.363	390.668.835.632	2.328.836.601.489
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(165.278.007)	(165.278.007)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	132.280.140.277	132.280.140.277
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>1.744.048.240.000</u>	<u>93.686.603.494</u>	<u>(18.771.380.000)</u>	<u>119.204.302.363</u>	<u>522.783.697.902</u>	<u>2.460.951.463.759</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VND	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	<u>1.744.048.240.000</u>	<u>1.172.485.100.000</u>
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố	-	80.673.720.400
Cổ tức đã trả	-	(80.673.720.400)

23.3 Cổ phiếu

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>Số cổ phiếu</i>	<i>Số cổ phiếu</i>
Cổ phiếu được phép phát hành	174.404.824	117.248.510
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	174.404.824	117.248.510
Cổ phiếu quỹ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(2.000.338)	(2.000.338)
Cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	172.404.486	115.248.172

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

23.4 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	VND	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (điều chỉnh lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	132.280.140.277	131.050.960.499
Trừ: Quỹ khen thưởng và phúc lợi (i)	<u>(13.228.014.028)</u>	<u>(13.105.096.050)</u>
Lợi nhuận thuần sau điều chỉnh phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	119.052.126.249	117.945.864.449
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ bình quân	172.404.486	115.248.172
Ảnh hưởng của việc chia cổ tức bằng cổ phiếu hoàn thành trong tháng 8 năm 2022	17.236.346	74.392.660
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ bình quân đã được điều chỉnh	<u>189.640.832</u>	<u>189.640.832</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	628	622
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	628	622

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.4 Lãi trên cổ phiếu (tiếp theo)

(i) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến trích lập với tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 16 tháng 4 năm 2022.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Doanh thu dịch vụ xây dựng	501.501.234.904	875.546.036.835
Doanh thu bán điện	55.943.071.325	60.693.285.200
Doanh thu từ bán đất nền	-	348.341.660.541
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	25.869.139.811	18.425.190.127
TỔNG CỘNG	<u>583.313.446.040</u>	<u>1.303.006.172.703</u>

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Lãi từ thanh lý đầu tư	174.207.187.256	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.819.012.972	4.085.872.356
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	1.408.730.766
Doanh thu tài chính khác	300.000	-
TỔNG CỘNG	<u>177.026.500.228</u>	<u>5.494.603.122</u>

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Giá vốn dịch vụ xây dựng	461.785.249.844	843.019.132.841
Giá vốn bán điện	23.673.445.223	30.116.712.783
Giá vốn bán đất nền	-	140.537.392.538
Giá vốn dịch vụ khác	22.366.192.776	17.861.626.320
TỔNG CỘNG	<u>507.824.887.843</u>	<u>1.031.534.864.482</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí lãi vay	42.041.781.708	55.890.223.575
Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư	(43.297.475)	-
Lỗ do thanh lý khoản đầu tư	-	439.209.494
Chi phí tài chính khác	66.286.892	806.234.627
TỔNG CỘNG	<u>42.064.771.125</u>	<u>57.135.667.696</u>

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí bán hàng	-	16.897.258.501
Chi phí hoa hồng môi giới	-	16.897.258.501
Chi phí quản lý doanh nghiệp	39.056.256.616	42.141.501.815
Chi phí nhân viên	21.288.593.921	19.759.419.709
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.653.111.912	7.843.615.054
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	3.045.796.163	3.045.796.162
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	1.379.398.070	1.697.872.277
Chi phí khấu hao và hao mòn	845.077.914	1.151.841.617
Chi phí khác	8.844.278.636	8.642.956.996
TỔNG CỘNG	<u>39.056.256.616</u>	<u>59.038.760.316</u>

28. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Thu nhập khác	1.983.213.903	5.482.471.210
Phạt bồi thường tổn thất	1.117.234.372	-
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	855.978.082	205.462.566
Hoàn nhập dự phòng bảo hành	-	5.259.149.695
Thu nhập khác	10.001.449	17.858.949
Chi phí khác	(5.995.914.266)	(2.875.936.923)
Phạt thuế	(1.359.816.729)	(237.332.398)
Phí bảo lãnh công trình	(975.771.471)	-
Chi phí khác	(3.660.326.066)	(2.638.604.525)
(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC	<u>(4.012.700.363)</u>	<u>2.606.534.287</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.559.980.716	33.493.975.695
Thuế TNDN trích thiếu trong các kỳ trước	-	407.064.756
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	<u>3.206.837.493</u>	<u>(2.255.201.082)</u>
TỔNG CỘNG	<u>35.766.818.209</u>	<u>31.645.839.369</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>167.381.330.321</u>	<u>163.485.678.628</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Nhóm Công ty	33.476.266.064	32.697.135.726
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	2.110.367.219	1.658.913.659
Thuế TNDN trích thiếu trong các kỳ trước	-	407.064.756
Phân bổ lợi thế thương mại	609.159.233	609.159.232
Phản lỗ (lãi) từ công ty liên kết	(27.233.002)	(17.532.202)
Lỗ năm trước chuyển sang	<u>(401.741.305)</u>	<u>(3.708.901.802)</u>
Chi phí thuế TNDN	<u>35.766.818.209</u>	<u>31.645.839.369</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

29.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	21.895.900.773	21.620.021.159	275.879.614	339.574.455
Dự phòng đầu tư vào công ty con	2.273.713.802	5.713.293.030	(3.439.579.228)	2.138.004.781
Lợi nhuận chưa thực hiện	19.737.511	80.559.170	(60.821.659)	(417.134.611)
Khấu hao	64.772.736	117.640.165	(52.867.429)	(101.295.454)
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.431.936.137	1.411.341.886	20.594.251	296.051.911
Trợ cấp thôi việc phải trả	48.524.000	59.388.700	(10.864.700)	-
Chênh lệch đánh giá hàng tồn kho từ hợp nhất kinh doanh	-	(60.821.658)	60.821.658	-
Tài sản thuế TNDN hoãn lại thuần	<u>25.734.584.959</u>	<u>28.941.422.452</u>	<u>(3.206.837.493)</u>	<u>2.255.201.082</u>
(Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại			<u>(3.206.837.493)</u>	<u>2.255.201.082</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng LIZEN	Công ty con
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Tiềm tích LICOGI 16	Công ty con
Công ty Cổ phần Licons Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo LICOGI 16	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo LICOGI 16 Gia Lai	Công ty con
Công ty Cổ phần Bất động sản LIZEN	Công ty con
Công ty Cổ phần Điện gió LICOGI 16 Quảng Trị 1	Công ty con
Công ty Cổ phần Điện gió LICOGI 16 Quảng Trị 2	Công ty con
Công ty Cổ phần Điện Mặt trời Chư Ngọc	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo LICOGI 16 Ninh Thuận	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Điện lực LICOGI 16	Công ty liên kết
Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Công ty được đầu tư
Công ty Cổ phần BOT 38	Công ty được đầu tư
Công ty Cổ phần BOO Nhà máy Nước Phú Ninh	Công ty được đầu tư
Ông Bùi Dương Hùng	Chủ tịch HĐQT
Ông Tăng Quốc Thuộc	Phó Chủ tịch
Ông Phí Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Duy Doanh	Thành viên góp vốn Công ty CT12

Công ty Cổ phần LIZEN

[trước đây là Công ty Cổ phần LICOGI 16]

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 và 30 tháng 6 năm 2021 bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Công ty Cổ phần Điện lực LICOGI 16	Công ty liên kết	Nhận cung cấp dịch vụ xây dựng Doanh thu khác	13.452.360.841	57.073.390.050 156.833.636
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo LICOGI 16 Ninh Thuận	Công ty liên kết	Lãi cho vay Cho vay Vay Trả gốc vay	46.758.744	- 3.011.571.089 750.000.000 648.012.854
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Công ty được đầu tư	Cung cấp dịch vụ xây dựng	-	1.881.071.658
Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần BOO Nhà máy Nước Phú Ninh	Công ty được đầu tư	Cung cấp dịch vụ xây dựng	181.900.396.948	181.900.396.948
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Công ty được đầu tư	Cung cấp dịch vụ xây dựng	135.925.322.916	136.353.277.916
Công ty Cổ phần BOT 38	Công ty được đầu tư	Cung cấp dịch vụ xây dựng	28.293.236.718	28.293.236.718
Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ xây dựng	11.878.702.365	11.878.702.365
Công ty Cổ phần Điện lực LICOGI 16	Công ty liên kết	Bán nguyên liệu và phí bảo lãnh	115.829.850	115.829.850
TỔNG CỘNG			358.113.488.797	358.541.443.797

Công ty Cổ phần LIZEN
[trước đây là Công ty Cổ phần LICOGI 16]

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<i>VND</i>				
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Điện lực LICOGI 16	Công ty liên kết	Nhận cung cấp dịch vụ xây dựng	-	37.968.079.264
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Ông Trần Duy Doanh	Thành viên góp vốn Công ty CT12	Cho vay	22.600.000.000	19.614.150.050
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo LICOGI 16 Ninh Thuận	Công ty được đầu tư	Cho vay	1.885.849.950	1.885.849.950
TỔNG CỘNG			24.485.849.950	21.500.000.000
Phải thu ngắn hạn khác				
Ông Phí Ngọc Anh	Phó Tổng giám đốc	Chuyển nhượng vốn	100.000.000	100.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo LICOGI 16 Ninh Thuận	Công ty liên kết	Lãi cho vay	60.129.540	13.370.796
TỔNG CỘNG			160.129.540	113.370.796
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Điện lực LICOGI 16	Công ty được đầu tư	Nhận cung cấp dịch vụ xây dựng	-	113.406.823.601

Công ty Cổ phần LIZEN

[trước đây là Công ty Cổ phần LICOGI 16]

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Ông Tăng Quốc Thuộc	Phó Chủ tịch HĐQT	Bán đất nền	1.687.745.400	1.687.745.400
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Công ty được đầu tư	Cung cấp dịch vụ xây dựng	-	427.955.000
TỔNG CỘNG			1.687.745.400	2.115.700.400
Phải trả khác				
Các cá nhân	Thành viên HĐQT	Thù lao	6.159.680.687	6.056.709.431
Ông Trần Duy Doanh	Thành viên góp vốn Công ty CT12	Thu hộ	2.249.818.679	3.553.546.082
Ông Bùi Dương Hùng	Chủ tịch HĐQT	Tạm ứng	-	54.462.274.594
		Hoàn trả vốn đã góp	-	400.000.000
			8.409.499.366	64.472.530.107
Vay				
Công ty Cổ phần Điện lực LICOGI 16	Công ty liên kết	Vay	9.879.997.537	-
Công ty Cổ phần BOT 38	Công ty được đầu tư	Vay	5.520.471.271	5.520.471.271
TỔNG CỘNG			15.400.468.808	5.520.471.271
Phải trả người bán dài hạn				
Công ty Cổ phần Điện lực LICOGI 16	Công ty liên kết	Mua dịch vụ xây dựng	63.587.175.345	89.414.653.881

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	Chức vụ	Thu nhập	
		Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
			VND
Thù lao HĐQT		630.000.000	630.000.000
Ông Bùi Dương Hùng	Chủ tịch	150.000.000	150.000.000
Ông Tăng Quốc Thuộc	Phó chủ tịch	120.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Thành viên	90.000.000	90.000.000
Ông Phan Ngọc Hiếu	Thành viên	90.000.000	90.000.000
Ông Nguyễn Minh Khang	Thành viên	90.000.000	90.000.000
Ông Budiman Satrio Sudono Liem	Thành viên	90.000.000	90.000.000
Nghân sách hoạt động cho HĐQT, người quản trị Công ty, ban thư ký		536.627.000	1.976.012.000
Lương thưởng Ban Tổng Giám đốc		1.850.000.000	2.248.285.388
Lương thưởng Tổng Giám đốc		500.000.000	706.404.803
Lương thưởng các thành viên còn lại Ban Tổng Giám đốc		1.350.000.000	1.541.880.585
TỔNG CỘNG		3.016.627.000	4.854.297.388

31. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Đến 1 năm	2.545.669.308	2.612.298.033
Trên 1 đến 5 năm	5.545.313.580	5.337.821.280
TỔNG CỘNG	8.090.982.888	7.950.119.313

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Nhóm Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực là phát triển và kinh doanh bất động sản, bao gồm cao ốc văn phòng và căn hộ cho thuê, cung cấp dịch vụ xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; mua bán vật liệu xây dựng.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Cổ phần LIZEN
[trước đây là Công ty Cổ phần LICOGI 16]

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Nhóm Công ty như sau:

	Dịch vụ xây dựng	Bất động sản	Bán điện	Hoạt động khác	Điều chỉnh hợp nhất	Tổng cộng
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022						
Doanh thu thuần						VND
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	723.485.170.671	-	55.943.071.325	25.869.139.811	(221.983.935.767)	583.313.446.040
Tổng doanh thu thuần	723.485.170.671	-	55.943.071.325	25.869.139.811	(221.983.935.767)	583.313.446.040
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Lợi nhuận gộp của bộ phận	39.805.985.060	-	32.269.626.102	3.502.947.035	(90.000.000)	75.488.558.197
Chi phí không phân bổ					(39.056.256.616)	(39.056.256.616)
Doanh thu hoạt động tài chính					177.026.500.228	177.026.500.228
Chi phí tài chính					(42.064.771.125)	(42.064.771.125)
Lợi nhuận khác					(4.012.700.363)	(4.012.700.363)
Lợi nhuận thuần trước thuế					167.381.330.321	167.381.330.321
Chi phí thuế TNDN hiện hành					(32.559.980.716)	(32.559.980.716)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại					(3.206.837.493)	(3.206.837.493)
Lợi nhuận thuần sau thuế						131.614.512.112
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022						
Tài sản và công nợ						
Tài sản bộ phận	2.500.124.018.664	1.012.322.543.116	276.092.237.304	77.279.557.925	(123.218.214.858)	3.742.600.142.151
Tài sản không phân bổ					1.547.264.874.498	1.547.264.874.498
Tổng tài sản						5.289.865.016.649
Công nợ bộ phận	1.439.325.668.522	777.700.931.998	1.006.353.258	464.372.190.626	(314.726.631.532)	2.367.678.512.872
Công nợ không phân bổ					400.463.373.543	400.463.373.543
Tổng công nợ						2.768.141.886.415

Công ty Cổ phần LIZEN

[trước đây là Công ty Cổ phần LICOGI 16]

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Nhóm Công ty như sau:

VND

	Dịch vụ xây dựng	Bất động sản	Bán điện	Hoạt động khác	Điều chỉnh hợp nhất	Tổng cộng
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021						
Doanh thu thuần						
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	1.072.618.698.455	348.341.660.541	60.693.285.200	18.425.190.127	(197.072.661.620)	1.303.006.172.703
Tổng doanh thu thuần	1.072.618.698.455	348.341.660.541	60.693.285.200	18.425.190.127	(197.072.661.620)	1.303.006.172.703
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Lợi nhuận gộp của bộ phận	32.691.085.812	207.804.268.003	30.576.572.417	563.563.807	(164.181.818)	271.471.308.221
Chi phí không phân bổ						(59.038.760.316)
Doanh thu hoạt động tài chính						5.494.603.122
Chi phí tài chính						(57.135.667.696)
Lợi nhuận khác						2.606.534.287
Phần lỗ từ công ty liên kết						87.661.010
Lợi nhuận thuần trước thuế						163.485.678.628
Chi phí thuế TNDN hiện hành						(33.901.040.451)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại						2.255.201.082
Lợi nhuận thuần sau thuế						131.839.839.259
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021						
Tài sản và công nợ						
Tài sản bộ phận	3.229.820.664.448	804.618.939.446	957.606.665.832	77.038.273.291	(137.987.581.121)	4.931.096.961.896
Tài sản không phân bổ						1.481.091.173.450
Tổng tài sản						6.412.188.135.346
Công nợ bộ phận	3.116.034.299.763	777.083.893.349	16.436.766.012	475.425.701.580	(328.322.380.852)	4.056.658.279.852
Công nợ không phân bổ						489.523.451.032
Tổng công nợ						4.546.181.730.884

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/NQ-LICOGI16-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2022 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 12/NQ-LIZEN-HĐQT ngày 24 tháng 6 năm 2022, các cổ đông và Hội đồng Quản trị của Nhóm Công ty đã phê duyệt việc chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10%. Theo đó, trong tháng 8 năm 2022, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc phát hành 17.236.346 cổ phiếu mới dưới hình thức chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.



Đỗ Văn Hương
Người lập



Nguyễn Văn Việt
Kế toán trưởng



Cao Ngọc Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2022